

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 08 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 129/2026/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận thỏa thuận của các đương sự giữa:

**Nguyên đơn:* Ngân hàng N1 (viết tắt: Ngân hàng A); Trụ sở chính: Số B, đường L, Phường G, Thành phố Hà Nội. Ngân hàng N1 – Chi nhánh S; trụ sở: 33 N, xã S, tỉnh Đắk Lắk. Do ông Phạm Toàn V – chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện theo pháp luật. Do ông Vũ Anh T – chức vụ: Giám đốc làm đại diện theo ủy quyền của Tổng giám đốc (Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022). Do ông Đinh Xuân T1 – chức vụ: Phó giám Giám đốc làm đại diện theo ủy quyền lại của ông Vũ Anh T (theo giấy ủy quyền số 651/GUQ.NHNo.Sho ngày 30/10/2025).

**Bị đơn:* Ông Trần Quang T2, sinh năm 1963 và bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Thôn T, xã S, tỉnh Đắk Lắk.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trần Quang T2 và bà Lê Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1 số tiền tính đến ngày 20/8/2026 là 293.734.541 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc: 286.500.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 6.831.716 đồng và N quá hạn: 402.825 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp kể từ ngày 21/8/2026 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4605 – LAV – 202303074, ngày 04/8/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Ngân hàng N1 có nghĩa vụ trả cho ông Trần Quang T2, bà Lê Thị Thu H một Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số G080161, số vào sổ: 00160 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên (cũ) cấp ngày 14/12/1995.

Khi hộ vay ông Trần Quang T2, bà Lê Thị Thu H trả hết nợ thì Ngân hàng N1 có nghĩa vụ đề nghị xóa thế chấp và trả cho ông T2, bà H một Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số G134986, số vào sổ 02270 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên (cũ) cấp ngày 06/6/1997.

Trường hợp ông Trần Quang T2, bà Lê Thị Thu H không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng N1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4605-LCL-202003672 ngày 10/6/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4605LCL202003672/SĐBS-HĐTC, ngày 22/7/2022 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

**Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ* là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Nguyên đơn đã nộp và chi xong. Ông Trần Quang T2 và bà Lê Thị Thu H có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng N1 số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng)

**Về án phí:* Ông Trần Quang T2 và bà Lê Thị Thu H tự nguyện chịu 7.343.000 đồng (bảy triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông Trần Quang T2 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bà Lê Thị Thu H tự nguyện chịu 3.671.500 đồng (ba triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự.

Hoàn trả cho Ngân hàng N1 7.271.683 đồng (Bảy triệu hai trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001062 ngày 24/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 15 – Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bàn Thị Tiên